

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đồ

2. Ông Lê Văn Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp Phú Thứ, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Tuấn A, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Tuấn A vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/5/2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Kim T trình bày: Do quen biết tự tìm hiểu nên Bà T ông Tuấn A tiến đến hôn nhân có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M huyện T tỉnh Long An vào ngày 24/3/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Tuấn A không quan tâm đến vợ con, tính tình không hợp nhau. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên Bà T yêu cầu ly hôn với ông Tuấn A. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn

Quốc T, sinh ngày 03/8/2018. Khi ly hôn Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Ngọc Tuấn A vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến cũng như yêu cầu cụ thể nào.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được Bà T yêu cầu ly hôn là phù hợp nên chấp nhận. Về con chung: Giao Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con theo quy định; Tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Kim T và ông Nguyễn Ngọc Tuấn A có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay bà Huỳnh Kim T yêu cầu ly hôn, ông Tuấn A đang cư trú tại ấp 1, xã M, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Huỳnh Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Ngọc Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T cho rằng bà và ông Tuấn A phát sinh mâu thuẫn do ông Tuấn A không quan tâm đến vợ con, ông bà không hợp tính tình. Từ đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm và không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu Bà T cung cấp gồm đơn khởi kiện, bản tự khai có thể hiện rõ lời trình bày của Bà T về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên ông Tuấn A không có ý kiến hay phản đối nên HĐXX căn cứ vào lời trình bày do Bà T cung cấp để

xác định mâu thuẫn vợ chồng. Nhận thấy trong thời gian chung sống giữa Bà T và ông Tuấn A đã xảy ra mâu thuẫn; lẽ ra đây chỉ là một vấn đề nhỏ của cuộc sống hôn nhân gia đình nhưng cả hai bên không tìm cách để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi hậu quả ông bà không còn sống chung hơn 01 năm nay. Sau khi sống ly thân ông bà cũng không ngồi lại bàn bạc để giải quyết mâu thuẫn trở về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Tòa án tiến hành hòa giải cho ông bà trở về đoàn tụ đồng thời cho thêm thời gian để ông bà khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, song ông Tuấn A không tham gia hòa giải. Tại phiên tòa ông Tuấn A vắng mặt cho thấy ông không còn tha thiết với mối quan hệ hôn nhân này. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, Bà T và ông Tuấn A không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của Bà T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*: Bà T và ông Tuấn A có 01 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 03/8/2018; hiện con chung đang do Bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ông Tuấn A không có ý kiến phản đối. Do đó HĐXX giao cháu Trung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà T yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.4]. *Tài sản chung*: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Tuấn A không trình bày nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi cần thiết Bà T và ông Tuấn A có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.5]. *Về nợ chung*: Bà T xác định không có, ông Tuấn A không có lời trình bày. Tại thời điểm này Tòa án chưa thụ lý vụ án dân sự nào đối với yêu cầu buộc Bà T và ông Tuấn A liên đới thực hiện nghĩa vụ dân sự. Do đó HĐXX không cần làm rõ để giải quyết.

[3]. Lời đề nghị phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4]. *Về án phí*: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Tuấn A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim T đối với ông Lê Ngọc Tuấn Anh.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Tuấn A.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 03/8/2018 cho bà Huỳnh Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000đồng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2022.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng.

2. Án phí: Bà Huỳnh Kim T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002464 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Bà Huỳnh Kim T không phải nộp thêm án phí. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn Anh phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án xử sơ thẩm các đương sự vắng mặt không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ An;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương